

Biểu số 3 Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

TRƯỜNG MẦM NON ĐẶNG XÁ
Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận An, ngày 08 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sử dụng NSNN)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non Đặng Xá công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách và thu sự nghiệp quý III năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	1.888.390.000	1.083.865.000	57,4	8,8
1	Số thu phí, lệ phí	1.888.390.000	1.083.865.000	57,4	8,9
1.1	Học phí	259.065.000		0,0	0,0
1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	962.325.000	292.810.000	30,4	69,6
1.3	Dịch vụ CSGDNG thứ bảy	336.000.000	34.650.000	10,3	103,0
1.4	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú	91.000.000	82.400.000	90,5	106,4
1.5	Dịch vụ CSGDNG ăn sáng	240.000.000	76.765.000	32,0	32,0
1.6	Dịch vụ CSGDNG Hè	832.000.000	597.240.000	71,8	69,3
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.888.390.000	801.204.249	42,4	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục		801.204.249	42,4	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.888.390.000	801.204.249	42,4	
1	Học phí	259.065.000	9.257.000	19,9	1,2
2	Dịch vụ chăm sóc bán trú	962.325.000	191.609.600	19,9	100,0
3	Dịch vụ CSND ngoài giờ thứ bảy	336.000.000	2.719.449	0,0	18,6
4	Dịch vụ trang thiết bị phục vụ bán trú	91.000.000	0	0,0	
5	Dịch vụ CSGDNG ăn sáng	240.000.000	44.923.000	92,5	0,0
	Dịch vụ CSGDNG Hè	597.240.000	552.695.200	92,5	76,9
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính	0			0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện quý III	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0	0	0
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	DỰ TOÁN CHI NSNN	10.069.000.000	1.513.736.529	15,0	25,4
1	Chi quản lý hành chính	10.069.000.000	1.513.736.529	15,0	25,4
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.915.000.000	1.002.576.982	14,5	24,5
	KP tiết kiệm 10% CCTL	0		0	0
1	Chi thanh toán cá nhân	6.020.038.000	967.624.941	16,1	24,8
2	Chè nước CBCC	0			
3	Thanh toán dịch vụ công cộng	194.400.000	15.819.041	8,1	11,6
4	Văn phòng phẩm	135.730.000	0	0,0	12,6
5	Thông tin liên lạc	8.052.000	2.013.000	25,0	13,6
6	Chi phí thuê mướn	80.880.000	16.500.000	20,4	14,6
7	Thanh toán công tác phí	31.200.000	620.000	2,0	15,6
8	Chi nghiệp vụ chuyên môn	365.000.000	0	0,0	16,6
9	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	42.000.000	0	0,0	17,6
10	Chi khác	37.700.000	0	0,0	18,6
11	Trích quỹ		0		
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	3.154.000.000	511.159.547	16,2	
*	Loại 490, khoản 492	3.154.000.000	511.159.547	16,2	
1	Chi thanh toán cá nhân	2.613.000.000	511.159.547	19,6	42,4
3	KP cấp bù học phí	107.000.000	0	0,0	
4	Thưởng	434.000.000	0	0,0	

Nơi nhận:

- Niêm yết tại bảng công khai dân chủ;
- Công khai trên Website của trường;
- Ban Thanh tra ND;
- Lưu Hồ sơ công khai.

Thuận An, ngày 08 tháng 10 năm 2025

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bùi Thị Bình